



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 85 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 85.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 353.406 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 311.904 triệu VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 41.502 triệu VND (2016: 160.140 triệu VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các Thuyết minh 2(a), 3(b) and 3(d)(iv) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Thuyết minh 7(c) và 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 363.057 triệu VND (1/1/2017: 364.061 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143



Wang Loan Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2018-007-1

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.474.983.419.484	9.232.272.849.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.496.319.038.319	1.496.458.060.972
Tiền	111		314.803.881.248	432.381.528.676
Các khoản tương đương tiền	112		1.181.515.157.071	1.064.076.532.296
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		720.376.522.818	952.742.245.703
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	47.062.178.000	74.767.938.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	673.314.344.818	877.974.307.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.220.244.858.253	3.214.916.530.328
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.054.321.190.242	2.233.797.278.820
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		452.436.893.222	438.017.367.291
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	162.127.442.156	178.039.342.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	846.040.724.198	736.642.535.818
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(296.217.456.995)	(372.376.455.800)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.536.065.430	796.462.043
Hàng tồn kho	140	12	3.637.394.757.076	3.206.970.570.062
Hàng tồn kho	141		3.729.895.641.565	3.286.587.250.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(92.500.884.489)	(79.616.680.378)
Tài sản ngắn hạn khác	150		400.648.243.018	361.185.442.426
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	33.896.041.635	22.951.998.731
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		336.698.263.287	303.657.389.304
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	30.053.938.096	34.533.164.391
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	42.890.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		11.431.176.976.389	10.562.150.445.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		825.796.101.240	816.148.711.068
Phải thu về cho vay dài hạn	215		7.622.700.000	8.779.800.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	937.495.996.036	926.691.505.864
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(119.322.594.796)	(119.322.594.796)
Tài sản cố định	220		6.570.669.864.509	5.920.080.043.826
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.393.049.968.080	5.717.940.489.530
<i>Nguyên giá</i>	222		12.236.634.594.087	11.057.270.172.417
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.843.584.626.007)	(5.339.329.682.887)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	44.906.094.256	66.701.591.216
<i>Nguyên giá</i>	225		55.877.351.986	92.266.466.013
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(10.971.257.730)	(25.564.874.797)
Tài sản cố định vô hình	227	15	132.713.802.173	135.437.963.080
<i>Nguyên giá</i>	228		165.599.933.067	163.437.173.507
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(32.886.130.894)	(27.999.210.427)
Bất động sản đầu tư	230	16	166.252.445.854	101.577.232.243
<i>Nguyên giá</i>	231		194.203.816.464	125.681.566.539
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(27.951.370.610)	(24.104.334.296)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.124.528.222.477	2.078.912.289.673
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	251.716.814.537	243.768.742.829
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(21.700.466.319)	(15.430.394.173)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	5.905.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		451.838.872.147	513.289.599.937
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	430.050.234.807	474.443.631.662
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.715.060.012	7.707.701.095
Tài sản dài hạn khác	268		607.358.933	581.358.933
Lợi thế thương mại	269	20	15.466.218.395	30.556.908.247
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.906.160.395.873	19.794.423.295.461

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.084.847.897.467	12.199.952.761.421
Nợ ngắn hạn	310		7.474.895.414.897	6.882.415.310.550
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.160.954.234.781	1.271.169.240.648
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.429.353.496	88.424.737.403
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	83.482.313.067	93.848.959.150
Phải trả người lao động	314		452.951.659.183	486.933.807.748
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	108.710.655.223	175.649.205.078
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.888.880.246	818.362.962
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	572.775.002.858	604.454.028.623
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	4.826.475.573.943	4.021.595.561.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	155.227.742.100	139.521.407.812
Nợ dài hạn	330		5.609.952.482.570	5.317.537.450.871
Phải trả người bán dài hạn	331	21	26.861.482.870	15.920.738.161
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		19.932.033.609	22.844.764.105
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	25.614.144.000	26.562.816.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	213.353.268.541	140.636.004.076
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	103.509.223.552	138.799.092.807
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	5.088.480.662.528	4.818.025.937.605
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	61.104.288.874	64.896.986.719
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	70.982.251.715	89.675.918.318
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		115.126.881	175.193.080

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	29	7.821.312.498.406	7.594.470.534.040
Vốn chủ sở hữu	410		7.788.889.846.384	7.559.178.352.429
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(742.835.089.736)	(742.835.089.736)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	494.461.905.677	457.818.876.459
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.981.645.059	10.981.645.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		569.477.391.709	555.190.797.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		183.521.885.595	230.356.822.217
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		385.955.506.114	324.833.974.935
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	550.677.792.232	553.877.792.360
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.833.965.919.812	1.651.984.049.504
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		32.422.652.022	35.292.181.611
Nguồn kinh phí	431		-	553.206.786
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		32.422.652.022	34.738.974.825
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.906.160.395.873	19.794.423.295.461

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	17.468.652.438.905	15.486.320.109.641
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	22.108.638.963	24.799.294.989
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17.446.543.799.942	15.461.520.814.652
Giá vốn hàng bán	11	36	15.854.507.030.477	13.757.366.211.159
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.592.036.769.465	1.704.154.603.493
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	317.894.919.942	339.153.140.130
Chi phí tài chính	22	38	406.266.228.809	486.708.411.396
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>356.407.134.776</i>	<i>333.839.233.856</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		545.092.625.913	506.863.393.007
Chi phí bán hàng	25	39	546.608.882.782	492.057.897.689
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	870.496.583.100	1.023.404.836.216
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		631.652.620.629	547.999.991.329
Thu nhập khác	31	41	155.013.424.872	203.776.358.682
Chi phí khác	32	42	38.196.201.873	68.275.657.378
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		116.817.222.999	135.500.701.304
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		748.469.843.628	683.500.692.633
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	65.096.360.754	80.177.835.872
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	44	(1.800.056.762)	24.000.499.701
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		685.173.539.636	579.322.357.060

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

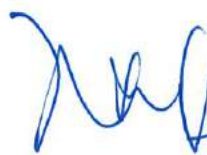
	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		685.173.539.636	579.322.357.060
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		385.955.506.114	324.833.974.935
Cổ đông không kiểm soát	62		299.218.033.522	254.488.382.125
Lãi trên cổ phiếu		45		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		772	650
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		695	585

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởngLê Tiến Trường
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		748.469.843.628	683.500.692.633
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		770.418.177.919	641.193.318.038
Các khoản dự phòng	03		40.136.391.626	170.894.626.686
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.293.645.858)	46.747.397.531
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(811.245.418.173)	(782.882.495.085)
Chi phí lãi vay	06		356.407.134.776	333.839.233.856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.099.892.483.918	1.093.292.773.659
Biến động các khoản phải thu	09		74.176.195.439	(328.475.608.151)
Biến động hàng tồn kho	10		(448.816.094.841)	(214.336.914.153)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(89.816.698.563)	191.155.368.364
Biến động chi phí trả trước	12		43.678.935.582	(2.797.149.589)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		30.827.944.622	60.000.000
			709.942.766.157	738.898.470.130
Tiền lãi vay đã trả	14		(369.228.002.705)	(300.611.806.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(82.590.700.909)	(68.682.102.247)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	79.939.016.011
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(105.703.376.367)	(86.419.815.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		152.420.686.176	363.123.761.564

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.685.881.799.684)	(1.950.089.480.586)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		34.139.540.984	126.789.470.063
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(367.062.257.060)	(898.553.317.359)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		582.403.023.029	343.558.868.302
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(95.708.331.911)	(67.927.335.542)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		168.861.954.095	163.902.811.549
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		460.991.284.201	429.142.754.368
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		5(a)	13.665.988.743	(116.831.226.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(888.590.597.603)	(1.970.007.455.932)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		20.893.610.000	65.779.619.792
Tiền thu từ đi vay	33		15.768.135.886.323	14.562.238.424.160
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.658.445.805.365)	(13.594.453.139.645)
Tiền trả cổ tức	36		(396.211.874.315)	(402.656.062.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		734.371.816.643	630.908.842.085

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.798.094.784)	(975.974.852.283)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.496.458.060.972	2.472.432.913.255
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.659.072.131	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.496.319.038.319	1.496.458.060.972

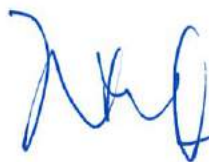
Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 50 công ty con và 32 công ty liên kết (1/1/2017: 54 công ty con và 34 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	15	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	35	Xem Phụ lục 2
	50	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	32	Xem Phụ lục 3
	82	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 40.316 nhân viên (1/1/2017: 36.904 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong năm 2016 và vẫn còn ảnh hưởng đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ cùng giảm 12.116 triệu VND (1/1/2017: 15.146 triệu VND), chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 3.029 triệu VND (2016: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng và giảm cùng một giá trị là 15.146 triệu VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 trong năm phát sinh, chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 26.499 triệu VND (2016: chi phí tài chính tăng 26.499 triệu VND).

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

(vi) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(viii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(ix) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2017	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.296.107.009.785	1.709.458.063.604	1.440.978.726.553	-	17.446.543.799.942
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.044.536.895.422	247.992.459.143	78.468.354.487	(3.370.997.709.052)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	17.340.643.905.207	1.957.450.522.747	1.519.447.081.040	(3.370.997.709.052)	17.446.543.799.942
Phản lãi trong công ty liên kết	520.773.120.080	16.619.837.518	7.699.668.315	-	545.092.625.913
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	607.802.375.747	(35.648.869.837)	76.216.930.212	(16.717.815.493)	631.652.620.629
Thu nhập khác	165.723.160.704	619.742.760	10.943.558.378	(22.273.036.970)	155.013.424.872
Chi phí khác	(53.538.832.058)	(4.815.252.367)	(1.753.731.876)	21.911.614.428	(38.196.201.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(44.254.654.474)	(495.315.269)	(20.346.391.011)	-	(65.096.360.754)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	(1.451.567.836)	-	-	3.251.624.598	1.800.056.762
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	674.280.482.083	(40.339.694.713)	65.060.365.703	(13.827.613.437)	685.173.539.636

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2017					
Tài sản của bộ phận	22.752.287.485.520	338.778.653.975	2.213.971.206.938	(6.287.483.824.819)	19.017.553.521.614
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	414.183.321.609	1.888.606.874.259
Tổng tài sản	24.225.990.603.170	339.191.213.975	2.214.279.081.938	(5.873.300.503.210)	20.906.160.395.873
Tổng nợ phải trả	14.645.651.136.221	490.949.064.894	998.368.920.962	(3.050.121.224.610)	13.084.847.897.467
Năm 2017					
Chi tiêu vốn	1.518.897.259.349	24.644.967.163	156.710.325.284	(14.370.752.112)	1.685.881.799.684
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	671.359.616.377	24.837.380.347	47.501.161.767	(27.133.777.307)	716.564.381.184
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	6.388.429.852	-	-	-	6.388.429.852
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.740.243.010	-	76.620.780	246.014.592	5.062.878.382
Khấu hao bất động sản đầu tư	5.175.920.816	179.539.734	6.570.142.400	(7.829.699.518)	4.095.903.432

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2016	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.822.785.442.979	2.288.206.407.653	1.350.528.964.020	-	15.461.520.814.652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.927.750.522.683	188.308.781.638	58.675.903.151	(3.174.735.207.472)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.750.535.965.662	2.476.515.189.291	1.409.204.867.171	(3.174.735.207.472)	15.461.520.814.652
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	506.863.393.007	506.863.393.007
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	616.979.303.217	(71.839.882.746)	63.307.230.338	(60.446.659.480)	547.999.991.329
Thu nhập khác	206.696.859.393	2.611.304.028	1.561.398.959	(7.093.203.698)	203.776.358.682
Chi phí khác	(56.179.343.902)	(11.633.472.651)	(4.977.809.690)	4.514.968.865	(68.275.657.378)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(62.458.736.885)	(471.772.891)	(17.247.326.096)	-	(80.177.835.872)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.638.052.138	-	-	(25.638.551.839)	(24.000.499.701)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	706.676.133.961	(81.333.824.260)	42.643.493.511	(88.663.446.152)	579.322.357.060

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2017					
Tài sản của bộ phận	21.189.022.784.889	311.650.238.461	2.677.447.566.562	(6.234.266.235.468)	17.943.854.354.444
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.536.176.143.382	412.560.000	307.875.000	313.672.362.635	1.850.568.941.017
Tổng tài sản	22.725.198.928.271	312.062.798.461	2.677.755.441.562	(5.920.593.872.833)	19.794.423.295.461
Tổng nợ phải trả	13.148.327.345.871	464.991.161.419	1.521.822.896.190	(2.935.188.642.059)	12.199.952.761.421
Năm 2016					
Chi tiêu vốn	1.725.307.884.437	12.011.701.586	280.884.605.755	(68.114.711.192)	1.950.089.480.586
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	559.045.492.972	4.185.251.935	48.117.340.122	(35.958.656.768)	575.389.428.261
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	7.871.890.315	-	-	-	7.871.890.315
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.587.513.047	-	104.866.142	-	4.692.379.189
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.774.399.678	127.523.400	1.726.341.985	-	3.628.265.063

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2017	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.437.391.769.465	12.009.152.030.477	17.446.543.799.942
Kết quả kinh doanh của bộ phận	652.145.912.735	939.890.856.730	1.592.036.769.465
Thu nhập không phân bổ			862.987.545.855
Chi phí không phân bổ			(1.823.371.694.691)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			631.652.620.629
Thu nhập khác			155.013.424.872
Chi phí khác			(38.196.201.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(63.296.303.992)
Lợi nhuận thuần sau thuế			685.173.539.636
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2017			
Tài sản của bộ phận	1.194.873.751.749	1.015.666.874.720	2.210.540.626.469
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			18.695.619.769.404
Tổng tài sản			20.906.160.395.873
Nợ phải trả của bộ phận	917.355.238.076	396.821.866.680	1.314.177.104.756
Các khoản nợ không phân bổ			11.770.670.792.711
Tổng nợ phải trả			13.084.847.897.467

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2016	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.492.979.957.335	9.968.540.857.317	15.461.520.814.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	747.378.688.867	956.775.914.626	1.704.154.603.493
Thu nhập không phân bổ			846.016.533.137
Chi phí không phân bổ			(2.002.171.145.301)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			547.999.991.329
Thu nhập khác			203.776.358.682
Chi phí khác			(68.275.657.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(104.178.335.573)
Lợi nhuận thuần sau thuế			579.322.357.060
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2017			
Tài sản của bộ phận	867.718.840.314	1.366.078.438.506	2.233.797.278.820
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			17.560.626.016.641
Tổng tài sản			19.794.423.295.461
Nợ phải trả của bộ phận	909.626.183.659	377.463.795.150	1.287.089.978.809
Các khoản nợ không phân bổ			10.912.862.782.612
Tổng nợ phải trả			12.199.952.761.421

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hợp nhất kinh doanh

(a) Mất quyền kiểm soát tại các công ty con

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty TNHH Linen Supply Services với giá trị ghi sổ là 12,7 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Linen Supply Services từ 60% xuống còn 20%. Công ty TNHH Linen Supply Services trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May Hiệp Đức với giá trị ghi sổ là 13,7 tỷ VND cho các cổ đông khác.

Trong năm, Tập đoàn đã tiến hành giải thể hai công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà và Công ty TNHH Một thành viên Hà Đông Hà Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.180.577.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	488.196.916
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.475.914.362
Hàng tồn kho	2.514.116.067
Tài sản ngắn hạn khác	1.275.850.666
Các khoản phải thu dài hạn	1.385.741.120
Tài sản cố định	64.709.596.832
Tài sản dài hạn khác	3.260.139.024
Nợ ngắn hạn	(65.890.280.773)
Nợ dài hạn	(44.184.936.997)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(19.785.085.197)
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(11.155.526.487)
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	(8.629.558.710)
Lợi thế thương mại còn lại tại thời điểm thanh lý	828.575.736
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	32.647.549.303
	<hr/>
Tiền thu được từ thoái vốn	24.846.566.329
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(11.180.577.586)
	<hr/>
Khoản tiền thuần tăng lên do mất quyền kiểm soát tại công ty con	13.665.988.743
	<hr/>

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 37).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào các công ty liên kết của công ty con này bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Phú, Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Gia Phúc cho các bên khác.

Các giao dịch này ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	VND
Tiền thu được từ thanh lý các công ty liên kết	84.200.000.000
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày thanh lý	61.450.087.720
	<hr/>
Lãi do thanh lý các công ty liên kết	22.749.912.280
	<hr/>

Lãi phát sinh do thanh lý các công ty liên kết được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 37).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	12.983.910.580	13.010.408.309
Tiền gửi ngân hàng	301.819.970.668	419.371.120.367
Các khoản tương đương tiền	1.181.515.157.071	1.064.076.532.296
	<hr/>	<hr/>
	1.496.319.038.319	1.496.458.060.972

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 7.562 triệu VND (1/1/2017: 47.184 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 142.000 triệu VND (1/1/2017: 115.113 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6.919.185	47.062.178.000	51.893.887.500	-	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	673.314.344.818	673.314.344.818	877.974.307.703	877.974.307.703
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	4.905.000.000	(**)	5.000.000	(**)
▪ Trái phiếu	1.000.000.000	(**)	-	-
	<u>5.905.000.000</u>		<u>5.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 7,2% (2016: 4,5% đến 7,2%) một năm.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,2% đến 6,6% (2016: 6% đến 6%) một năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			1/1/2017			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết							
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,80%	33,80%	63.109.850.824	(*)	35,51%	63.035.518.965	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	358.401.200.761	(*)	31,92%	337.701.471.152	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	191.737.465.836	(*)	46,93%	180.739.319.036	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	30.072.867.458	(*)	27,00%	25.689.104.936	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	87.465.848.519	(*)	27,69%	80.331.834.379	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,20%	35,20%	41.480.458.036	(*)	36,79%	36.000.844.299	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	98.233.343.941	(*)	35,01%	83.176.678.571	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.229.836.420	(*)	30,00%	85.438.283.818	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Phong Phú	-	-	-	(*)	13,73%	46.379.699.622	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	353.406.378.107	(*)	18,18%	311.904.292.245	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	142.760.307.656	(*)	24,30%	142.806.374.535	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			436.709.316.701	(*)		457.365.519.459	(*)
			1.888.606.874.259			1.850.568.941.017	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017		1/1/2017						
	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND			
Đơn vị khác									
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>									
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (***)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.007.704.600	0,01%	1.348.555.000	-	2.029.575.000
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>									
▪ Công ty Cổ phần TCE	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			210.784.699.562	(21.700.466.319)	(*)		202.836.627.854	(15.430.394.173)	(*)
			<u>251.716.814.537</u>	<u>(21.700.466.319)</u>			<u>243.768.742.829</u>	<u>(15.430.394.173)</u>	

(**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(***) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 206.403 triệu VND (1/1/2017: 305.053 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451
Tăng trong năm	10.397.506.108	58.911.280.000
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	545.092.625.913	506.863.393.007
Cổ tức được chia	(440.641.498.854)	(254.466.174.403)
Thanh lý các công ty liên kết	(68.730.438.809)	(55.260.676.249)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	(4.380.261.116)	(57.480.402.274)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày chuyển thành công ty con của Tập đoàn	-	(42.804.509.933)
Tăng do công ty con cấp 2 chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 5(a))	-	46.003.323.962
Khác	(3.700.000.000)	121.672.456
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	278.511.059.494	269.720.105.352
Phải thu các khách hàng khác	1.775.810.130.748	1.964.077.173.468
	<hr/>	<hr/>
	2.054.321.190.242	2.233.797.278.820

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 339.286 triệu VND (1/1/2017: 361.067 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	68.330.000.504	67.867.351.724
Công ty TNHH Coats Phong Phú	61.133.310.622	83.849.547.695
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	41.459.335.800	49.096.825.798
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	81.624.087.388	58.111.684.580
Các công ty liên quan khác	25.964.325.180	10.794.695.555
	<hr/>	<hr/>
	278.511.059.494	269.720.105.352
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	157.300.000.000	166.800.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	3.970.042.156	2.500.000.000
Bên thứ ba		
Các công ty khác	857.400.000	8.739.342.156
	<hr/>	<hr/>
	162.127.442.156	178.039.342.156
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các công ty liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 12,5% (2016: từ 4% đến 17,2%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	6.123.199.277	6.032.299.277
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	376.554.545.668	292.306.644.002
Phải thu lãi cho vay	171.464.480.347	80.105.056.924
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.006.747.826	10.457.461.989
Phải thu các khoản tạm ứng	38.438.829.241	25.240.806.180
Phải thu người lao động	1.689.721.048	1.353.984.317
Ký cược, ký quỹ	41.286.433.898	65.843.706.569
Các khoản chi hộ	7.088.237.176	9.257.686.397
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	45.655.996.176	66.155.996.716
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	41.836.522.880	40.525.919.440
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối B	3.649.410.571	3.635.798.617
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	1.375.785.827	28.579.063.361
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	15.187.840.986	9.142.331.171
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	15.721.527.834	15.500.718.763
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	2.924.339.219	18.451.713.675
Phải thu khác	61.494.555.134	40.510.797.330
	846.040.724.198	736.642.535.818

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	14.230.339.200	14.230.339.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú	136.000.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	151.606.219.931	177.647.487.665
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	10.080.000.000	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	40.217.760.000	40.217.760.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	61.189.226.964	40.525.919.440
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	24.637.500.000
Các công ty liên quan khác	22.595.863.610	31.186.931.587
	460.556.909.705	416.645.937.892

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	434.257.522.603	401.868.488.835
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	286.448.868.412	320.069.471.852
Ký quỹ, ký cược dài hạn	47.039.359.714	46.171.520.256
Phải thu dài hạn khác	50.427.650.511	39.259.430.125
	937.495.996.036	926.691.505.864

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	127.243.931.844	113.285.020.627
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	25.102.773.208
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	434.257.522.603	401.868.488.835

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2017			Thời gian quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG Phong Phú		-	-	-	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	35.500.072.750	(34.961.801.031)	538.271.719	Trên 3 năm	36.669.572.750	(29.330.536.774)	7.339.035.976
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.343.792.764	(39.966.906.135)	376.886.629	Trên 2 năm	40.393.792.764	(26.859.013.654)	13.534.779.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-	Trên 2 năm	29.931.566.760	(20.952.096.732)	8.979.470.028
Các khách hàng khác	Trên 2 năm	224.633.245.898	(191.357.183.069)	33.276.062.829	Trên 2 năm	223.158.157.174	(184.605.054.873)	38.553.102.301
		330.408.678.172	(296.217.456.995)	34.191.221.177		440.782.843.215	(372.376.455.800)	68.406.387.415
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(296.217.456.995)				(372.376.455.800)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(119.322.594.796)				(119.322.594.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	127.903.966.072	(420.248.993)	173.171.827.659	(4.525.261.870)
Nguyên vật liệu	1.215.794.223.309	(13.173.645.546)	852.388.600.295	(15.796.640.938)
Công cụ và dụng cụ	12.041.859.534	-	13.449.707.512	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.313.480.764.813	-	1.248.097.045.251	(231.095.106)
Thành phẩm	907.116.605.338	(76.690.032.363)	864.119.068.667	(58.968.861.807)
Hàng hóa	44.712.721.460	(2.216.957.587)	66.760.443.029	(94.820.657)
Hàng gửi đi bán	108.845.501.039	-	68.600.558.027	-
	<hr/>		<hr/>	
	3.729.895.641.565	(92.500.884.489)	3.286.587.250.440	(79.616.680.378)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 684.423 triệu VND (1/1/2017: 634.020 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 140.129 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2017: 95.310 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.953.731.569.056	7.590.864.887.590	291.029.625.053	80.579.358.455	141.064.732.263	11.057.270.172.417
Tăng trong năm	45.241.205.402	152.012.561.339	26.754.545.222	8.744.463.786	1.854.806.846	234.607.582.595
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	367.062.053.945	817.930.417.810	12.873.237.336	5.546.204.404	4.325.719.483	1.207.737.632.978
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(33.212.272.904)	-	-	-	-	(33.212.272.904)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	68.627.086.431	-	-	-	68.627.086.431
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	10.106.802.501	-	-	-	10.106.802.501
Thanh lý	(9.515.408.804)	(201.109.715.879)	(9.755.823.260)	(1.214.246.694)	(48.000.000)	(221.643.194.637)
Xóa sổ	-	(87.750.000)	-	-	-	(87.750.000)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(18.665.221.396)	(61.957.995.288)	(4.344.265.387)	(457.383.615)	(1.346.599.608)	(86.771.465.294)
Phân loại lại	9.550.582.651	(16.579.310.157)	6.410.607.566	618.119.940	-	-
Số dư cuối năm	3.314.192.507.950	8.359.806.984.347	322.967.926.530	93.816.516.276	145.850.658.984	12.236.634.594.087

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	986.616.088.222	4.074.909.962.606	166.289.579.248	45.003.711.063	66.510.341.748	5.339.329.682.887
Khấu hao trong năm	146.494.595.761	518.735.782.612	27.291.355.295	8.315.582.456	15.727.065.060	716.564.381.184
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(9.424.339.458)	-	-	-	-	(9.424.339.458)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	20.982.046.919	-	-	-	20.982.046.919
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	1.354.279.573	-	-	-	1.354.279.573
Thanh lý	(3.711.722.892)	(189.162.025.784)	(9.008.608.211)	(1.154.876.113)	(18.666.665)	(203.055.899.665)
Xóa sổ	-	(42.514.886)	-	-	-	(42.514.886)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(2.781.163.276)	(16.964.370.208)	(1.353.640.999)	(256.958.185)	(766.877.879)	(22.123.010.547)
Phân loại lại	(1.624.190.738)	(864.264.157)	2.347.185.845	141.269.050	-	-
Số dư cuối năm	1.115.569.267.619	4.408.948.896.675	185.565.871.178	52.048.728.271	81.451.862.264	5.843.584.626.007
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.967.115.480.834	3.515.954.924.984	124.740.045.805	35.575.647.392	74.554.390.515	5.717.940.489.530
Số dư cuối năm	2.198.623.240.331	3.950.858.087.672	137.402.055.352	41.767.788.005	64.398.796.720	6.393.049.968.080

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 1.729.352 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.724.074 triệu VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.672 triệu VND (1/1/2017: 16.304 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.89.985 triệu VND (1/1/2017: 5.176.405 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	92.266.466.013	-	92.266.466.013
Tăng trong năm	31.039.243.858	1.198.728.546	32.237.972.404
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(68.627.086.431)	-	(68.627.086.431)
<hr/>			
Số dư cuối năm	54.678.623.440	1.198.728.546	55.877.351.986
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	25.564.874.797	-	25.564.874.797
Khấu hao trong năm	6.368.451.042	19.978.810	6.388.429.852
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.982.046.919)	-	(20.982.046.919)
<hr/>			
Số dư cuối năm	10.951.278.920	19.978.810	10.971.257.730
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	66.701.591.216	-	66.701.591.216
Số dư cuối năm	43.727.344.520	1.178.749.736	44.906.094.256

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	146.205.058.485	16.130.453.422	1.101.661.600	163.437.173.507
Tăng trong năm	25.931.000	1.305.761.249	500.000.000	1.831.692.249
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	484.000.000	84.167.311	568.167.311
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(237.100.000)	-	(237.100.000)
Số dư cuối năm	146.230.989.485	17.683.114.671	1.685.828.911	165.599.933.067
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	18.499.697.665	8.895.872.171	603.640.591	27.999.210.427
Khấu hao trong năm	2.859.817.451	2.192.832.801	10.228.130	5.062.878.382
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(175.957.915)	-	(175.957.915)
Số dư cuối năm	21.359.515.116	10.912.747.057	613.868.721	32.886.130.894
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	127.705.360.820	7.234.581.251	498.021.009	135.437.963.080
Số dư cuối năm	124.871.474.369	6.770.367.614	1.071.960.190	132.713.802.173

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 6.599 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.239 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	66.440.098.961	52.263.793.886	6.977.673.692	125.681.566.539
Tăng trong năm	66.673.084.791	-	-	66.673.084.791
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.098.032.252	-	2.098.032.252
Thanh lý	-	(248.867.118)	-	(248.867.118)
Phân loại lại	5.595.710.019	-	(5.595.710.019)	-
Số dư cuối năm	138.708.893.771	54.112.959.020	1.381.963.673	194.203.816.464
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.109.033.093	20.573.890.881	421.410.322	24.104.334.296
Khấu hao trong năm	2.301.424.222	1.656.144.126	138.335.084	4.095.903.432
Thanh lý	-	(248.867.118)	-	(248.867.118)
Số dư cuối năm	5.410.457.315	21.981.167.889	559.745.406	27.951.370.610
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	63.331.065.868	31.689.903.005	6.556.263.370	101.577.232.243
Số dư cuối năm	133.298.436.456	32.131.791.131	822.218.267	166.252.445.854

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886
Tăng trong năm	1.388.300.177.672	1.660.562.072.902
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.207.737.632.978)	(1.764.273.293.213)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	23.787.933.446	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(568.167.311)	(2.005.602.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.098.032.252)	(5.595.710.019)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(41.735.377.638)	(91.008.256.066)
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong năm	-	12.499.147.993
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(4.871.228.260)
Số dư cuối năm	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	21.985.386.962
• Nhà máy Sợi Phú Cường	-	20.766.833.497
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	6.714.821.764	13.410.122.957
• Nhà máy May Quảng Bình	-	5.557.770.050
• Nhà máy May Bạc Liêu	-	14.048.857.262
• Nhà máy May Tuyên Quang	10.205.514.823	29.215.075.863
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	66.631.675.190	6.335.837.250
• Nhà máy sợi 2	7.492.867.447	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	25.081.766.428	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	7.352.934.720	5.062.909.771
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	33.091.419.029	27.816.556.643
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.965.179.674	5.956.500.224
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	36.539.190.329	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	12.493.091.904	12.493.091.904
• Trang trại Ia Lốp - Đắk Lắk	-	5.026.951.188
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	22.487.064.840	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Công trình Nhà máy May 4	25.586.075.448	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy Kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đông Văn	13.541.906.107	285.086.654.835
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.096.301.744	27.524.726.193
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	337.053.941	69.725.226.915
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.297.821.982	18.329.264.068
• Xây dựng Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	311.604.799.059	6.689.758.596
• Các công trình khác	2.292.907.146	26.927.142.679
▪ Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
• Dự án máy nhuộm	-	4.108.111.117

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	54.972.495.289	54.262.685.562
▪ Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt Nam Định		
• Công trình đầu tư nhà xưởng máy se sợi	-	3.394.643.800
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
▪ Công ty Sợi Thăng Bình		
• Xây dựng Nhà xưởng Sợi Thăng Bình	-	25.711.906.055
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	1.307.130.682	8.064.287.500
• Xưởng chuẩn bị	3.772.708.095	6.699.002.368
• Máy móc thiết bị	12.814.921.061	4.694.017.917
• Thi công hệ thống cơ điện dệt Ninh Thuận	5.068.821.524	909.090.909
• Hệ thống xử lý nước thải Dệt - Nhuộm giai đoạn 2 mở rộng	7.514.461.613	72.727.273
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy Sản xuất vải dệt kim	-	201.224.598.925
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	4.454.392.728	25.326.424.297
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	35.858.232.996	6.270.858.448
• Dự án Khăn bông và Vải denim	273.345.490.172	125.185.301.630
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.682.535.775	3.547.525.252
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	2.706.071.236	6.281.513.126
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex		
• Nhà máy May Tuyên Quang	175.715.028.726	-
▪ Các công trình khác	63.502.610.269	52.193.039.568
	<hr/>	<hr/>
	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 801.334 triệu VND (1/1/2017: 121.622 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 14.277 triệu VND (2016: 17.099 triệu VND).

18. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước phí bảo hiểm	2.761.209.173	1.279.408.117
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	10.755.761.228	9.755.193.289
Công cụ dụng cụ	11.443.020.281	5.182.574.915
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.936.050.953	6.734.822.410
	<u>33.896.041.635</u>	<u>22.951.998.731</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	6.159.321.109	214.276.191.086	30.924.259.249	114.922.868.675	1.957.631.413	16.777.302.347	20.139.974.440	15.146.064.363	54.140.018.980	474.443.631.662
Tăng trong năm	-	8.744.678.980	2.512.944.872	39.602.021.783	-	7.640.425.389	14.866.509.310	-	27.101.909.203	100.468.489.537
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.520.971.000	5.800.000.000	12.559.645.898	-	-	8.461.738.005	-	8.393.022.735	41.735.377.638
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(8.752.522.928)	-	-	-	-	-	(8.752.522.928)
Thanh lý	-	-	-	(766.112.677)	-	-	-	-	-	(766.112.677)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	-	(187.134)	(1.148.985.955)	-	-	(1.997.522.611)	-	(113.443.324)	(3.260.139.024)
Phân bổ trong năm	(3.214.565.540)	(22.086.839.540)	(7.715.524.806)	(83.659.608.029)	(1.957.631.413)	(8.040.730.800)	(12.164.911.839)	(3.029.212.871)	(31.949.464.563)	(173.818.489.401)
Phân loại lại	(2.494.029.325)	(17.745.038.152)	20.239.067.477	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>450.726.244</u>	<u>189.709.963.374</u>	<u>51.760.559.658</u>	<u>72.757.306.767</u>	<u>-</u>	<u>16.376.996.936</u>	<u>29.305.787.305</u>	<u>12.116.851.492</u>	<u>57.572.043.031</u>	<u>430.050.234.807</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 46.394 triệu VND (1/1/2017: 34.347 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	1.479.176.660	2.757.493.791
Các khoản mục khác	20%	4.235.883.352	4.950.207.304
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.715.060.012	7.707.701.095
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	61.104.288.874	64.896.986.719
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		61.104.288.874	64.896.986.719

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	76.981.960.516
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(19.377.361.260)
Số dư cuối năm	57.604.599.256
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	46.425.052.269
Khấu hao trong năm	14.262.114.116
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(18.548.785.524)
Số dư cuối năm	42.138.380.861
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	30.556.908.247
Số dư cuối năm	15.466.218.395

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả người bán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	120.145.782.691	83.125.034.565
▪ Phải trả người bán khác	1.040.808.452.090	1.188.044.206.083
	1.160.954.234.781	1.271.169.240.648
Phải trả người bán dài hạn		
▪ Phải trả người bán khác	26.861.482.870	15.920.738.161

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	32.205.772.689	34.703.399.592
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	20.063.845.758	8.109.361.341
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	57.978.960.944	8.657.272.681
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	-	24.801.868.113
Các công ty liên quan khác	9.897.203.300	6.853.132.838
	120.145.782.691	83.125.034.565

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2017 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.125.573.015	4.439.458.201	(1.005.495.544)	-	8.559.535.672
Thuế xuất nhập khẩu	26.983.886.463	930.883.755	(22.192.117.475)	-	5.722.652.743
Thuế nhà đất	1.031.041.000	260.283.383	(1.272.837.189)	-	18.487.194
Các loại thuế khác	751.230.670	1.875.177.687	(2.122.623.587)	(6.590.845)	497.193.925
Các khoản khác					
Các khoản khác	641.433.243	14.676.733.836	(62.098.517)	-	15.256.068.562
	34.533.164.391	22.182.536.862	(26.655.172.312)	(6.590.845)	30.053.938.096

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.214.595.976	590.352.010.511	(583.858.847.567)	(841.708.162)	25.866.050.758
Thuế xuất nhập khẩu	151.520.315	19.930.506.937	(20.082.027.252)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.317.201.226	65.096.360.754	(79.156.738.252)	-	18.256.823.728
Thuế thu nhập cá nhân	8.542.760.598	33.260.843.579	(32.310.276.247)	(110.655.334)	9.382.672.596
Thuế tài nguyên	138.855.743	1.765.658.754	(1.768.796.274)	-	135.718.223
Thuế nhà đất	13.758.795.648	13.740.695.013	(13.744.937.244)	-	13.754.553.417
Tiền thuê đất	14.997.826.344	52.900.238.718	(51.811.570.717)	-	16.086.494.345
Các loại thuế khác	3.727.403.300	4.227.184.931	(7.954.588.231)	-	-
	93.848.959.150	781.273.499.197	(790.687.781.784)	(952.363.496)	83.482.313.067



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	35.396.461.795	27.766.686.948
Chi phí hoạt động	8.165.119.778	17.765.749.384
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	32.358.350.533	95.747.115.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	2.540.537.817	4.486.961.870
Chi phí cải tạo, sửa chữa	7.025.427.734	15.732.755.545
Chi phí gia công thuê ngoài	3.796.303.841	958.232.913
Phí hoa hồng	2.004.942.997	4.007.649.398
Chi phí phải trả khác	16.474.838.728	8.235.381.589
	<hr/>	<hr/>
	107.761.983.223	174.700.533.078
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	108.710.655.223	175.649.205.078

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	26.562.816.000	27.511.488.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	25.614.144.000	26.562.816.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	34.171.117.244	27.880.058.887
Phải trả về cổ phần hóa	5.919.084.298	7.677.704.301
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.503.100.532	297.418.118
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	20.334.104.264	18.936.155.635
Phải trả lãi vay khác	24.950.134.767	46.798.726.172
Phải trả cổ tức	19.924.764.313	14.730.104.706
Quỹ từ thiện	5.680.518.491	8.017.371.663
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	7.562.091.012	47.184.176.063
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	-	14.854.155.199
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	363.057.205.021	364.061.259.133
Tiền bồi thường đất phải trả Nhà nước liên quan đến giải phóng mặt bằng	16.637.208.401	15.768.906.609
Các khoản phải trả khác	73.035.674.515	38.247.992.137
	572.775.002.858	604.454.028.623

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	26.212.500.000	74.882.125.734
Các khoản phải trả dài hạn khác	25.433.296.552	12.053.540.073
	<hr/> 103.509.223.552	<hr/> 138.799.092.807 <hr/>

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Thị Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu nhận trước	219.500.332.793	140.636.004.076
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.147.064.252)	-
	<hr/> 213.353.268.541	<hr/> 140.636.004.076 <hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.647.654.510.231	3.647.654.510.231	14.760.585.265.234	(14.175.707.670.889)	4.232.532.104.576	4.232.532.104.576
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	354.220.229.861	354.220.229.861	407.342.746.751	(302.503.214.435)	459.059.762.177	459.059.762.177
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(ii))	-	-	114.000.000.000	-	114.000.000.000	114.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	18.840.411.034	18.840.411.034	20.506.154.109	(19.343.267.953)	20.003.297.190	20.003.297.190
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	880.410.000	880.410.000	(880.410.000)	880.410.000	880.410.000
	4.021.595.561.126	4.021.595.561.126	15.303.314.576.094	(14.498.434.563.277)	4.826.475.573.943	4.826.475.573.943

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong khoản vay ngắn hạn có 1.651.251 triệu VND (1/1/2017: 1.746.676 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tổng cộng là 1.704.664 triệu VND (1/1/2017: 1.836.413 triệu VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,3% đến 10% (1/1/2017: từ 1,2% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,2% đến 7% (1/1/2017: từ 1,3% đến 10%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	5.298.678.876.949	4.847.230.336.931
Trái phiếu thường (ii)	314.000.000.000	314.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	39.544.024.794	29.856.241.569
Nợ dài hạn khác	30.201.230.152	880.410.000
	<hr/>	<hr/>
	5.682.424.131.895	5.191.966.988.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(593.943.469.367)	(373.941.050.895)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	5.088.480.662.528	4.818.025.937.605
	<hr/>	<hr/>

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong khoản vay dài hạn có 4.931.780 triệu VND (1/1/2017: 4.761.114 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.091.018 triệu VND (1/1/2017: 4.911.214 triệu VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,5% đến 11% (1/1/2017: từ 2% đến 11%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 2,5% đến 10% (1/1/2017: từ 3% đến 11%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.592.255 triệu VND (1/1/2017: 1.422.739 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	314.000.000.000	314.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(114.000.000.000)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				200.000.000.000	314.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164.403 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 164.403 triệu VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

27. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	89.675.918.318	-	89.675.918.318
Trích lập trong năm	119.313.020	4.223.424.771	4.342.737.791
Dự phòng sử dụng trong năm	(47.413.919)	(1.242.458.021)	(1.289.871.940)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(21.746.532.454)	-	(21.746.532.454)
Số dư cuối năm	68.001.284.965	2.980.966.750	70.982.251.715

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	139.521.407.812	133.278.587.996
Trích lập trong năm	77.117.310.550	56.541.000.340
Sử dụng trong năm	(61.410.976.262)	(50.298.180.524)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	155.227.742.100	139.521.407.812

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	571.099.479.985	497.352.336.562	1.482.598.699.577	7.306.410.571.478	41.428.623.435	7.347.839.194.913
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	65.779.619.792	65.779.619.792	-	65.779.619.792
Nguồn kinh phí nhân từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	54.496.650.079	-	54.496.650.079	4.630.310.168	59.126.960.247
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	324.833.974.935	-	254.488.382.125	579.322.357.060	-	579.322.357.060
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	37.905.198.065	140.656.157	(38.045.854.222)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(37.296.250.097)	-	(19.244.750.243)	(56.541.000.340)	-	(56.541.000.340)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(103.363.465)	-	-	(453.703.204)	(557.066.669)	(8.225.417.192)	(8.782.483.861)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(139.983.650.194)	(389.983.650.194)	-	(389.983.650.194)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	66.956.934.685	66.956.934.685	-	66.956.934.685
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoan đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.507.455.683)	(59.507.455.683)	-	(59.507.455.683)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(14.969.831.020)	-	59.769.831.020	44.800.000.000	-	44.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	5.930.491.306	(1.107.324.004)	-	(430.722.429)	2.028.805.719	1.519.641.170	7.940.891.762	(2.541.334.800)	5.399.556.962
Số dư tại ngày 1/1/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	457.818.876.459	10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.360	1.651.984.049.504	7.559.178.352.429	35.292.181.611	7.594.470.534.040
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	20.893.610.000	20.893.610.000	-	20.893.610.000
Nguồn kinh phí nhân từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	385.955.506.114	-	299.218.033.522	685.173.539.636	-	685.173.539.636
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	36.643.029.218	-	(36.643.029.218)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(53.833.996.112)	-	(23.283.314.438)	(77.117.310.550)	-	(77.117.310.550)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.316.322.803)	(2.316.322.803)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(151.406.533.922)	(401.406.533.922)	-	(401.406.533.922)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(31.976.003.599)	-	31.976.003.599	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	784.117.372	(3.200.000.128)	(6.571.454.940)	(8.987.337.696)	(553.206.786)	(9.540.544.482)
Số dư tại ngày 31/12/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	494.461.905.677	10.981.645.059	569.477.391.709	550.677.792.232	1.833.965.919.812	7.788.889.846.384	32.422.652.022	7.821.312.498.406

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho một bên khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2016 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2016: cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	7.584.947.009	10.784.947.137
	<hr/>	<hr/>
	550.677.792.232	553.877.792.360

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	32.834.581.588	22.242.289.646
Trong vòng hai đến năm năm	78.705.982.640	41.126.582.727
Sau năm năm	81.020.199.791	97.601.917.099
	<hr/>	<hr/>
	192.560.764.019	160.970.789.472
	<hr/>	<hr/>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	107.961.364.079	139.477.888.472
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	295.374.530	512.117.980
	<hr/>	<hr/>
	108.256.738.609	139.990.006.452
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.363.002	98.786.400.235	8.503.698	192.532.552.307
EUR	2.206	59.430.844	2.040	48.660.383
		<hr/>		<hr/>
		98.845.831.079		192.581.212.690
		<hr/>		<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			14.234.657.116	12.875.760.918
			24.648.828.559	23.289.932.361

(e) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	697.661.809.901	900.628.660.014
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	109.170.049.757	172.917.602.652
	806.831.859.658	1.073.546.262.666

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	16.694.991.510.755	14.934.496.499.262
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	489.059.310.222	293.820.353.306
▪ Cho thuê lại đất thuê	201.971.474.567	211.405.767.046
▪ Bán và cho thuê bất động sản	82.630.143.361	46.597.490.027
	<hr/> 17.468.652.438.905	<hr/> 15.486.320.109.641
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	15.569.821.994	18.833.850.945
▪ Giảm giá hàng bán	2.544.794.496	1.353.864.273
▪ Hàng bán bị trả lại	3.994.022.473	4.611.579.771
	<hr/> 22.108.638.963	<hr/> 24.799.294.989
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 17.446.543.799.942	<hr/> <hr/> 15.461.520.814.652

36. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	15.307.517.382.800	13.358.998.563.356
▪ Dịch vụ đã cung ứng	357.429.906.675	180.583.445.725
▪ Cho thuê lại đất thuê	118.640.627.433	150.777.113.768
▪ Bán và cho thuê bất động sản	55.041.321.809	19.910.594.223
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.877.791.760	47.096.494.087
	<hr/> 15.854.507.030.477	<hr/> 13.757.366.211.159

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	174.500.933.786	127.842.309.304
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.122.184.622	40.349.344.901
Cổ tức được chia	22.005.462.487	59.669.590.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.864.552.453	55.071.415.526
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.669.020.921	9.588.098.077
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	2.765.978.263	8.692.605.408
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	32.647.549.303	14.109.526.440
Lãi do thanh lý công ty liên kết	22.749.912.280	11.614.027.726
Doanh thu hoạt động tài chính khác	569.325.827	12.216.222.420
	<hr/>	<hr/>
	317.894.919.942	339.153.140.130
	<hr/>	<hr/>

38. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	356.407.134.776	333.839.233.856
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.758.590.527
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	4.380.261.116	57.480.402.274
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(11.284.681.233)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.177.292.294	45.894.472.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.375.375.063	56.335.495.608
Lãi thanh toán chậm	280.714.194	757.750.393
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.270.072.146	-
Chi phí tài chính khác	8.375.379.220	927.147.618
	<hr/>	<hr/>
	406.266.228.809	486.708.411.396
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Chi phí bán hàng**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	65.669.272.539	67.744.861.755
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.712.509.381	9.581.821.045
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.657.845.282	1.414.520.804
Chi phí vận chuyển	164.984.106.679	117.824.900.228
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	11.161.014.680	6.553.819.466
Chi phí xuất nguyên vật liệu	132.598.012	5.372.420.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.199.240.123	127.772.006.211
Chi phí bao bì	30.765.396.129	36.809.724.996
Chi phí hoa hồng	28.129.860.550	12.418.862.044
Chi phí xuất nhập khẩu	19.864.287.951	13.900.758.469
Chi phí bán hàng khác	66.332.751.456	92.664.202.432
	<hr/>	
	546.608.882.782	492.057.897.689
	<hr/>	

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	398.224.621.838	414.949.826.409
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	32.651.751.483	22.654.479.893
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.221.803.754	64.586.590.333
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	35.392.322.383	165.859.841.059
Thuế, phí và lệ phí	46.094.072.954	39.338.999.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.936.424.026	75.681.585.097
Tiền thuê đất	28.294.062.682	32.998.277.446
Công tác phí	32.331.518.843	11.764.654.407
Chi phí tiếp khách	21.322.079.549	9.557.013.277
Chi phí đào tạo	4.288.112.181	137.609.909
Chi phí khác	122.739.813.407	185.875.959.126
	<hr/>	
	870.496.583.100	1.023.404.836.216
	<hr/>	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản dài hạn	17.108.811.266	111.605.963.972
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	63.533.102.391	21.825.784.227
Bán phế liệu	1.879.417.183	1.241.229.339
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.348.181.220	7.836.679.534
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	18.889.547.988	5.295.638.636
Hỗ trợ gia công và kinh phí tiêu thụ sản phẩm nhận được	-	649.124.525
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	21.746.532.454	27.077.027.227
Thu từ các khoản khác	29.507.832.370	28.244.911.222
	<hr/>	<hr/>
	155.013.424.872	203.776.358.682
	<hr/>	<hr/>

42. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗ do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	1.601.800.368	21.220.178.986
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	4.859.459.717	3.709.385.017
Phạt vi phạm thuế	5.742.378.719	996.125.345
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	3.228.075.727	7.681.094.271
Chi phí đền bù tiền giải phóng mặt bằng	-	10.471.944.292
Chi các khoản khác	22.764.487.342	24.196.929.467
	<hr/>	<hr/>
	38.196.201.873	68.275.657.378
	<hr/>	<hr/>

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	9.006.958.703.291	7.761.609.331.541
Chi phí nhân viên	3.447.437.226.685	3.015.668.465.820
Chi phí khấu hao	770.418.177.919	641.193.318.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.619.080.623.634	2.219.452.076.251
Chi phí khác	1.179.048.883.910	921.948.736.199
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***44. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	64.000.483.446	78.412.166.603
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.095.877.308	1.765.669.269
	<hr/> 65.096.360.754	<hr/> 80.177.835.872
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.800.056.762)	24.000.499.701
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 63.296.303.992	<hr/> 104.178.335.573

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	748.469.843.628	683.500.692.633
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	149.693.968.726	136.700.138.527
Ưu đãi thuế	(4.511.202.164)	(3.717.726.624)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.253.026.326)	(8.044.799.622)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.411.403.942	1.459.328.734
Thu nhập không bị tính thuế	(113.419.617.680)	(79.912.775.663)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(187.539.316)	(33.865.445)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	33.466.439.502	55.962.366.397
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.095.877.308	1.765.669.269
	<hr/> 63.296.303.992	<hr/> 104.178.335.573

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	385.955.506.114	324.833.974.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
	772	650

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 45(a))	385.955.506.114	324.833.974.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (Thuyết minh 33)	55.067.779	55.387.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	555.067.779	555.387.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần	695	585

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các công ty liên kết		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	290.627.386.665	294.652.829.341
Mua hàng hóa và dịch vụ	99.928.967.195	108.842.114.502
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	121.418.854.727	40.165.565.267
Mua hàng hóa	98.756.089.714	75.412.268.313
Thu nhập lãi cho vay	12.610.788.600	19.023.521.029
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	7.543.277.778	4.972.260.000
Cho vay	-	60.500.000.000
Hoàn trả khoản vay	9.500.000.000	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	34.720.669.453	15.045.116.850
Mua hàng hóa và dịch vụ	106.841.248.615	114.976.768
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.054.655.277	5.221.626.146
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	120.000.000	849.452.396
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.547.822.493	12.481.273.692
Góp vốn đầu tư	-	42.614.160.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.188.525.000	1.775.925.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.158.998.015	2.478.807.214
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.710.952.332	6.188.662.260
Mua hàng hóa và dịch vụ	78.409.987.432	49.741.331.557
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.085.765.028	2.277.610.361
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.434.700	179.821.400
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.796.399.521	36.628.694.928

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	-	1.803.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	288.044.064
Mua vốn cổ phần	7.665.840.000	-
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	113.907.138.893	82.167.954.488
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.130.769.894	57.548.929.139
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.800.000	77.600.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.415.455.027	15.860.012.968
Công ty Cổ phần May Hưng Yên Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	132.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex Thoái vốn	-	7.918.626.154
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu Khoản cho vay	-	1.470.042.156
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng Đầu tư góp vốn	-	3.000.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.072.806.508	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông Thoái vốn	-	13.083.311.931
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	-	38.266.554.469
Thành viên Hội đồng Quản trị Thù lao đã trả	2.413.368.000	2.741.220.393
Cơ quan Tổng Giám đốc Lương và thù lao đã trả	2.791.491.987	3.735.370.048

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc mất quyền kiểm soát tại các công ty con, như trình bày tại Thuyết minh 5(a), Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	2017	2016
	VND	VND
Lãi vay nhập gốc	29.846.866.176	-

48. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

(a) Thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phê duyệt đề án thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex và Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn. Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc Tập đoàn triển khai thực hiện các thủ tục thành lập các chi nhánh theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Thành lập Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng

Ngày 11 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tham gia góp vốn thành lập một công ty con mới, Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, với số vốn điều lệ là 25.000 triệu VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn là 52%.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

49. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
1	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam (1)	80,74%	80,95%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
4	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
5	Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
6	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	146.156.210.000	107.424.820.000	-	-
7	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
8	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt May Huế	63,90%	63,90%	63.898.240.000	63.898.240.000	-	-
10	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
11	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
12	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
13	Tổng Công ty CP Phong Phú (1)	50,10%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
14	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	462.017.209.402	462.017.209.402	-	-
15	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	202.568.027.281	202.568.027.281	-	-

- (1) Trong năm, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã phát hành cổ phiếu theo chương trình chọn lựa cho người lao động (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 666/NQ-PP ngày 13 tháng 11 năm 2017. Trên cơ sở đó, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú và một số công ty con và công ty liên kết khác.

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	32,14%	32,14%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
3	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
4	Công ty CP May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
6	Công ty CP May Hiệp Đức (1)	-	44,50%	68,50%	68,50%	13.700.000.000	13.700.000.000	-	-
7	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình	33,13%	33,13%	51,00%	51,00%	26.520.000.000	26.520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định									
8	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
9	Công ty CP Chân Len Nam Định	47,11%	47,11%	87,78%	87,78%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
10	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
11	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	46,34%	46,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
12	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
13	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,77%	47,77%	89,00%	89,00%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
14	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	42,22%	42,22%	78,65%	78,65%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam									
15	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
16	Công ty CP Bông Vải Miền Trung	42,91%	42,91%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
17	Công ty CP Giồng cây trồng Nhà Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
Công ty con của Công ty CP Dầu tư Phát triển Vinatex									
18	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
19	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
20	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
21	Công ty TNHH May Vinatex Bông Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú									
22	Công ty CP Dệt Đông Nam (ii)	30,55%	31,10%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
23	Công ty CP Dệt May Nha Trang (ii)	26,04%	26,50%	51,97%	51,97%	96.143.750.000	96.143.750.000	-	-
24	Công ty CP Dầu tư Khánh Phú (ii)	17,85%	18,17%	35,63%	35,63%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-
25	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà (i)	-	30,98%	60,74%	60,74%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-
26	Công ty TNHH Linen Supply (iii)	-	30,60%	60,00%	60,00%	19.098.000.000	19.098.000.000	-	-
27	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú (ii)	35,57%	36,21%	71%	71%	63.900.000.000	63.900.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
28	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
29	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
30	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	68,86%	68,86%	68,86%	68,86%	37.200.000.000	37.200.000.000	-	-

- (i) Các công ty này đã giải thể trong năm.
- (ii) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty mẹ trực tiếp của các công ty này là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú giảm.
- (iii) Đây là công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong năm.

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội									
1	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty CP Dệt May Hoàng Thi Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
3	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
4	Công ty CP May Halorexco	44,62%	44,62%	53,64%	53,64%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam (i)	-	30,65%	-	100%	-	12.000.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt kim Vinatex (ii)	77,27%	83,46%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000

(i) Công ty này đã giải thể trong năm.

(ii) Trong năm, Công ty TNHH Dệt 8-3 chuyển nhượng một số cổ phần tại Công ty cổ phần Dệt kim Vinatex cho Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Dệt kim Vinatex.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang – CTCP (i)	35,20%	36,79%	25.277.683.200	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	9.450.000.000	9.450.000.000
5	Công ty CP May Hữu Nghị (ii)	29,24%	29,24%	34.766.360.000	27.508.330.000
6	Công ty CP May Đồng Nai (ii)	25,70%	25,70%	28.049.772.960	15.331.680.000
7	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	12.621.000.000
11	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty CP May Việt Tiến (i)	30,40%	31,92%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – CTCP (i)	33,80%	35,51%	63.921.240.000	63.921.240.000
17	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
18	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty liên kết của Công ty 8-3					
20	Công ty CP Vinatex Quốc tế (iii)	49,00%	48,14%	49.000.000.000	48.500.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định					
21	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	22,45%	2.007.500.000	2.007.500.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định (iv)	45,78%	49,92%	31.100.000.000	31.100.000.000

Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội					
23	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài					
24	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,89%	31,89%	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam					
25	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú (iv)	17,86%	18,18%	106.691.335.644	106.691.335.644
27	Công ty CP đầu tư phát triển Phong Phú (v)	-	13,73%	-	50.000.000.000
28	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn (iv)	10,77%	10,97%	10.000.000.000	10.000.000.000
29	Công ty CP May Đà Lạt (iv)	20,04%	20,40%	4.231.000.000	4.231.000.000
30	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức (v)	-	17,85%	-	3.500.000.000
31	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức (iv)	22,05%	24,30%	144.596.306.997	144.586.200.608
32	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lăng Cô (v)	-	19,59%	-	7.299.000.000
33	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (iv)	19,74%	24,22%	8.011.203.600	8.011.203.600
34	Công ty CP May Gia Phúc (v)	-	12,75%	-	5.000.000.000
35	Công ty CP Đầu tư Phong Vân (iv)	23,97%	24,40%	18.994.120.000	18.994.120.000
36	Công ty TNHH Linen Supply Services (vi)	10,02%	-	6.366.000.000	-

- (i) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này.
- (ii) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này.

